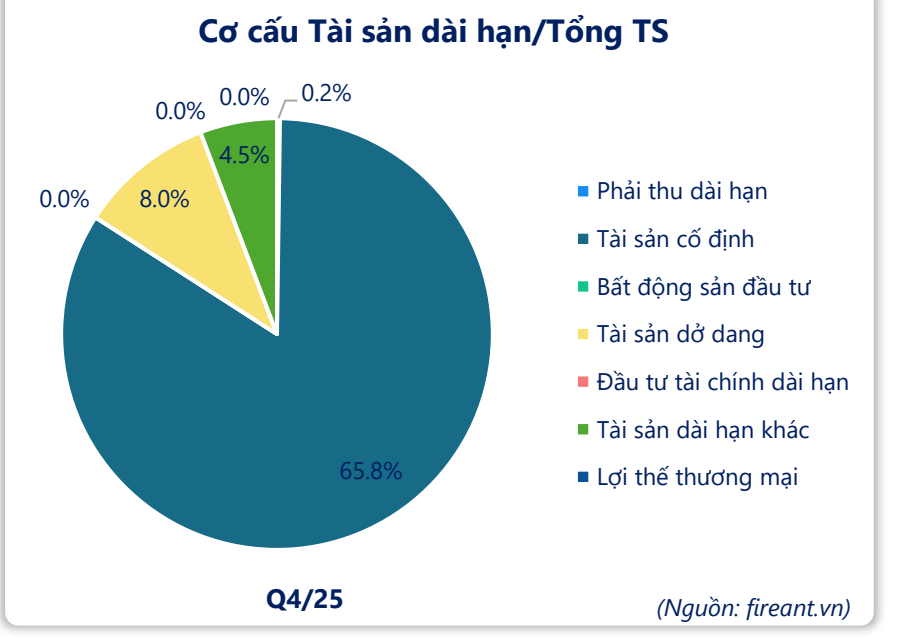
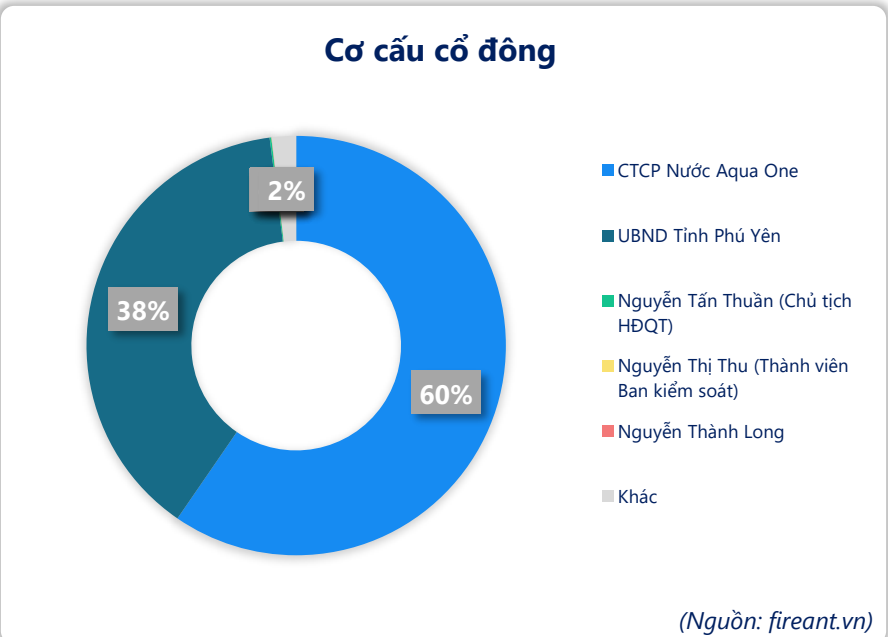
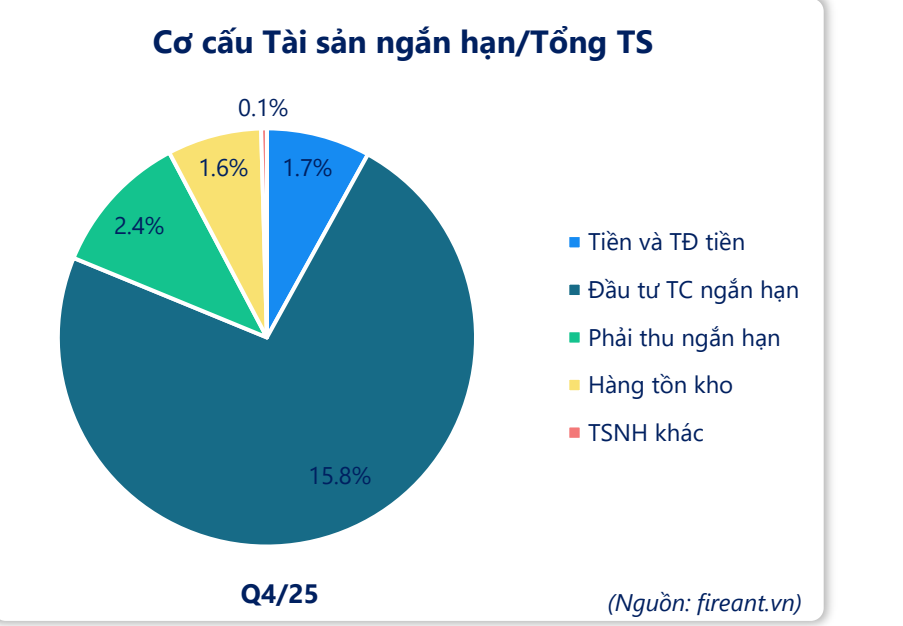
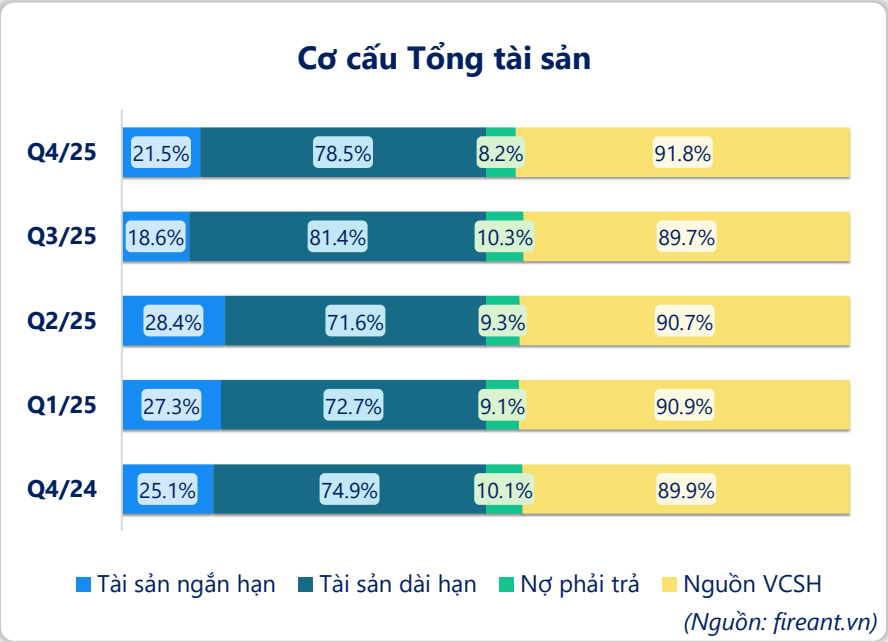
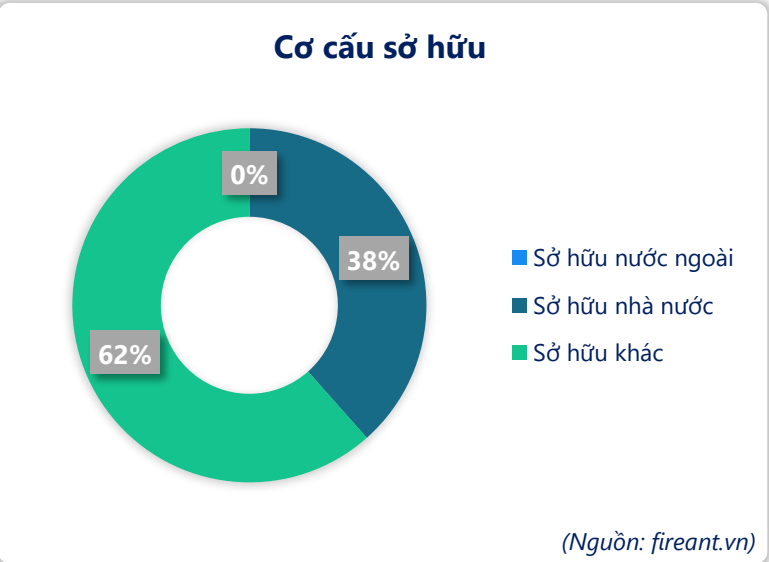
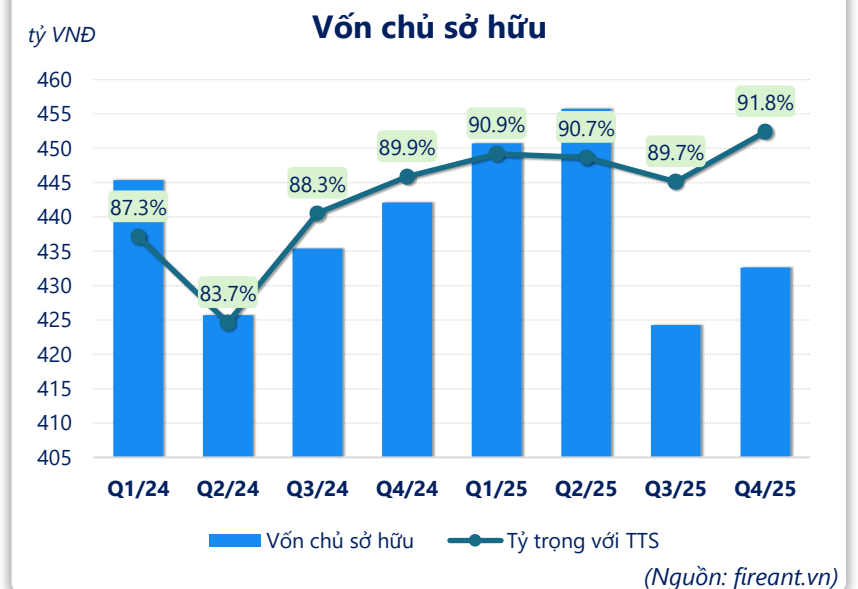
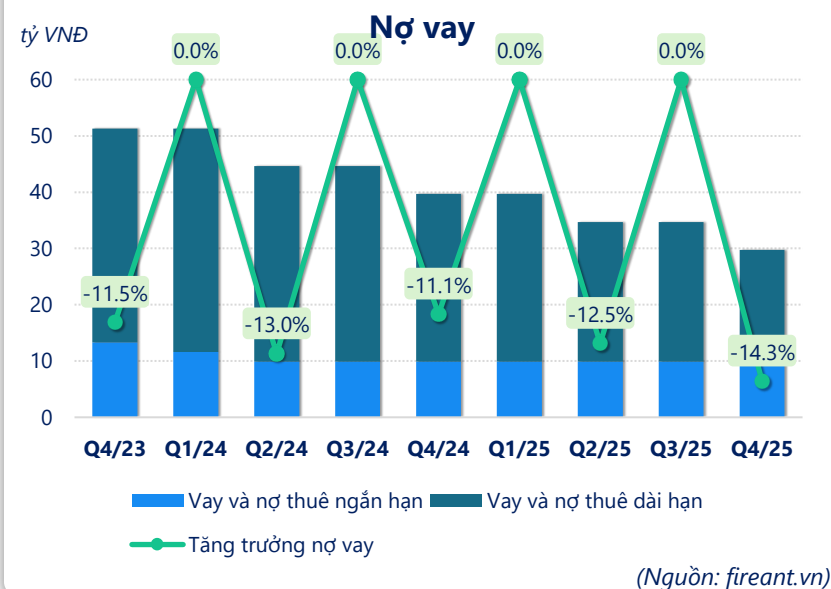
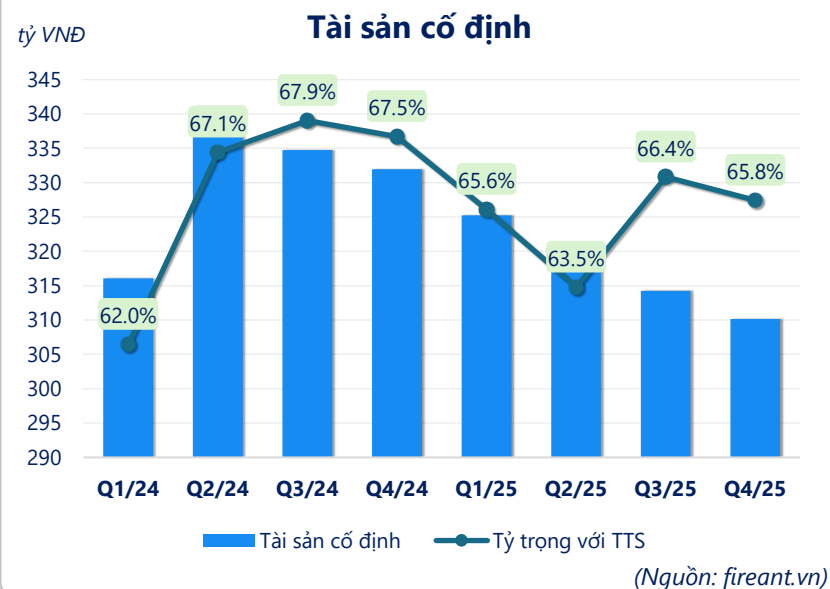
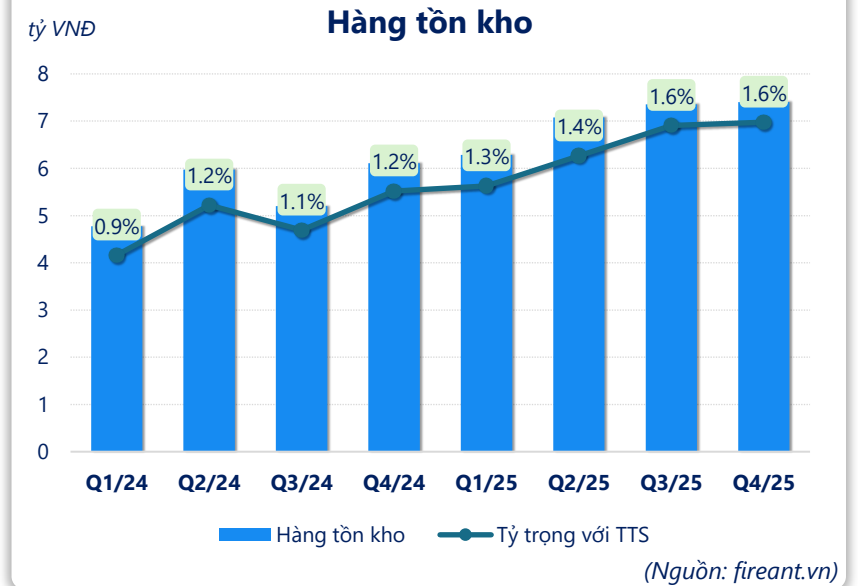
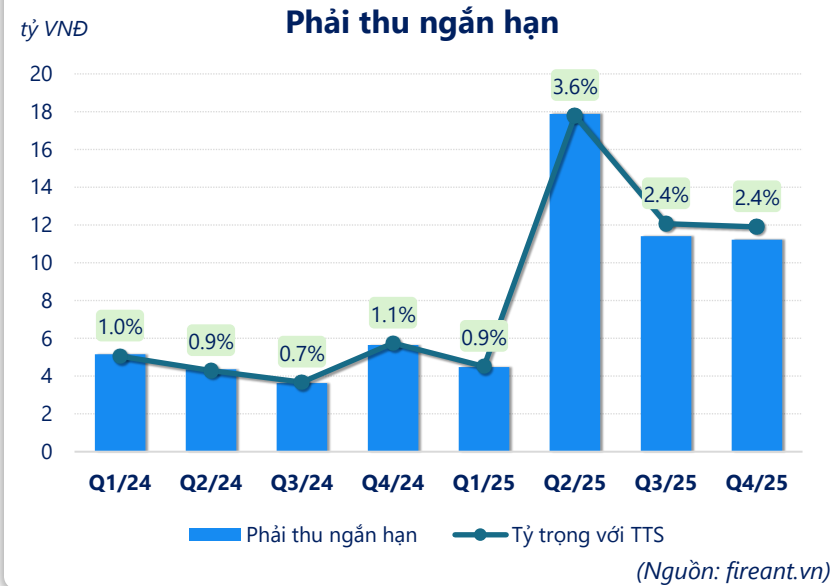
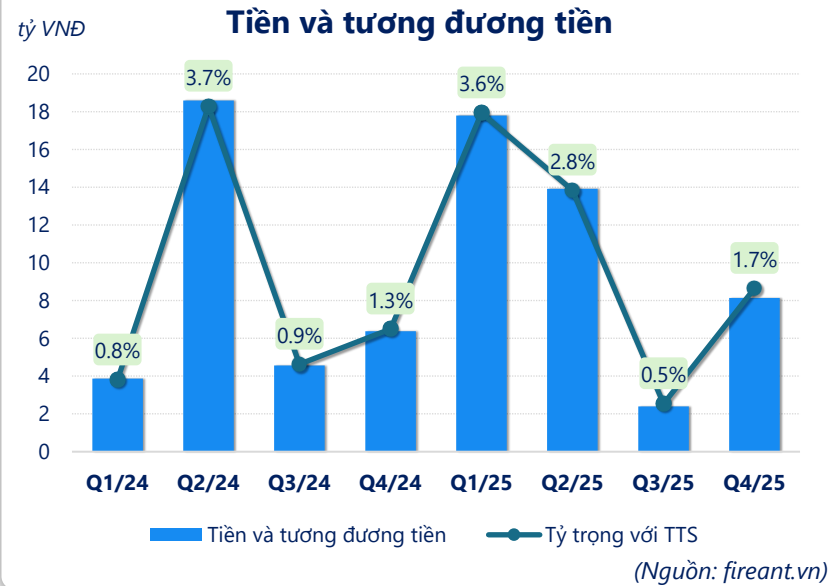
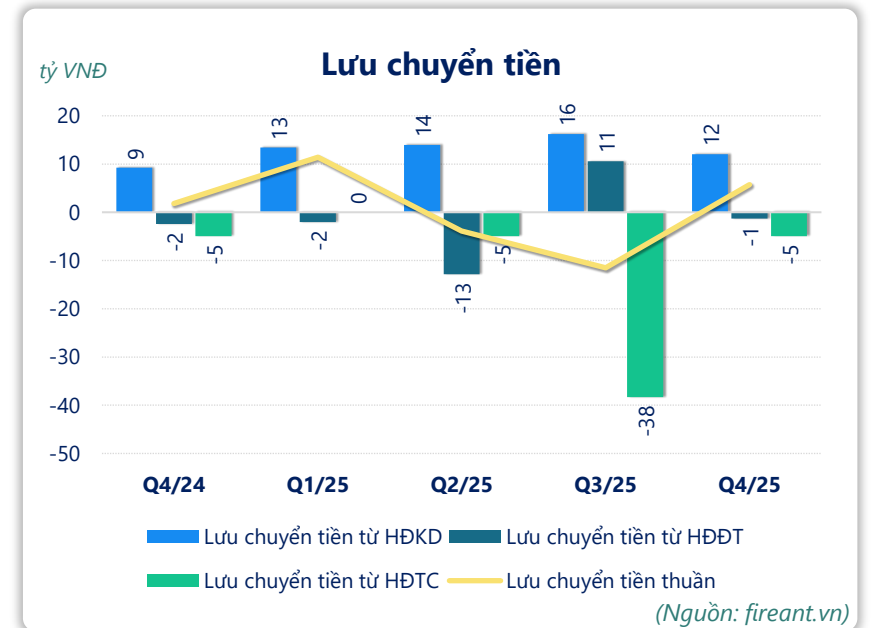
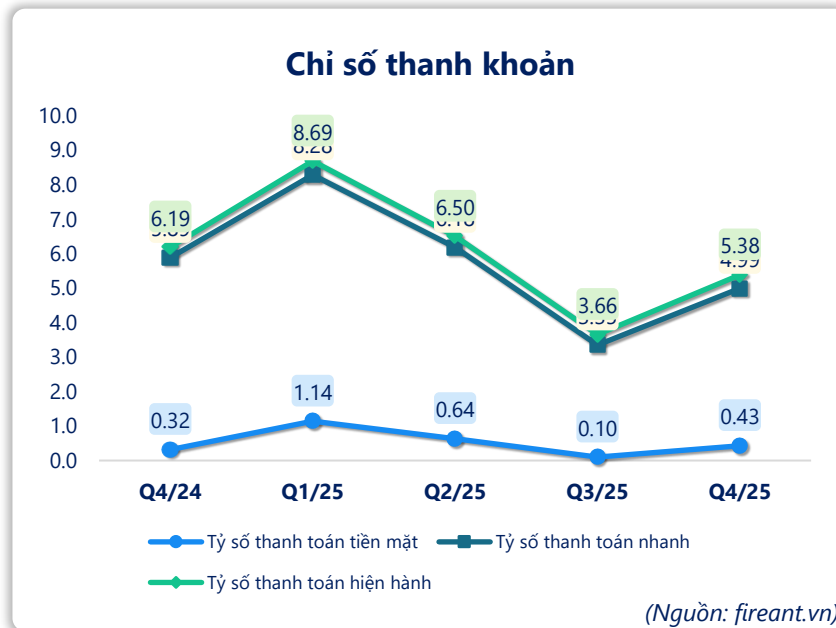
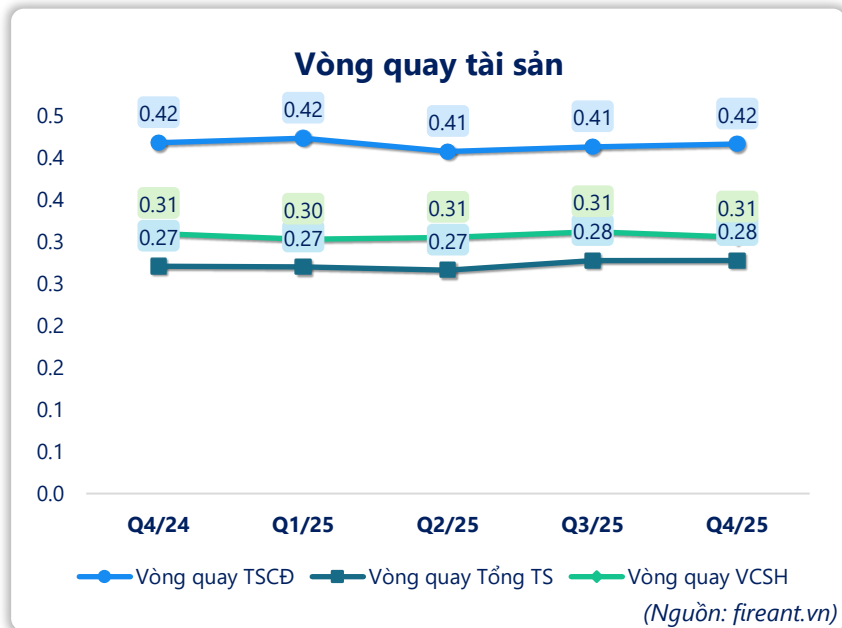
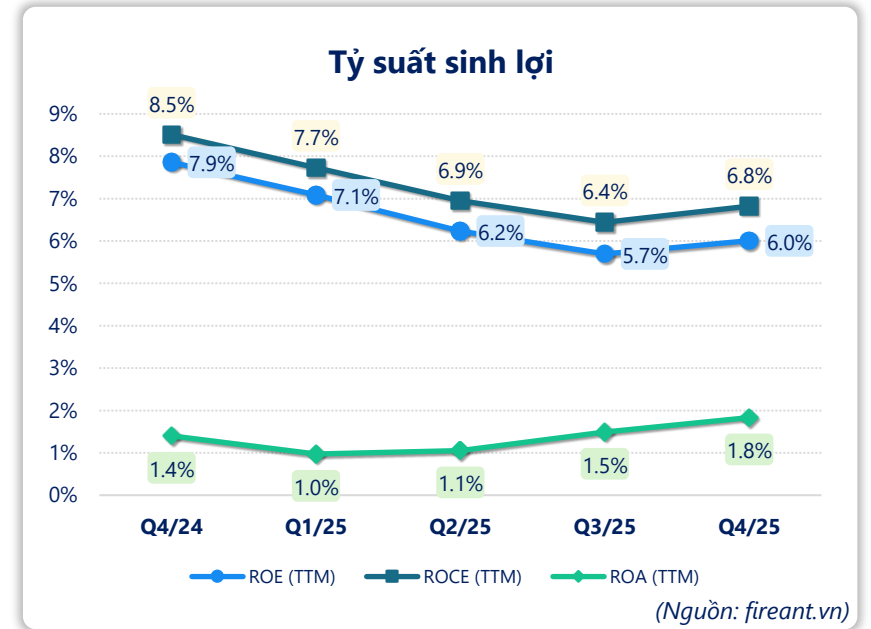
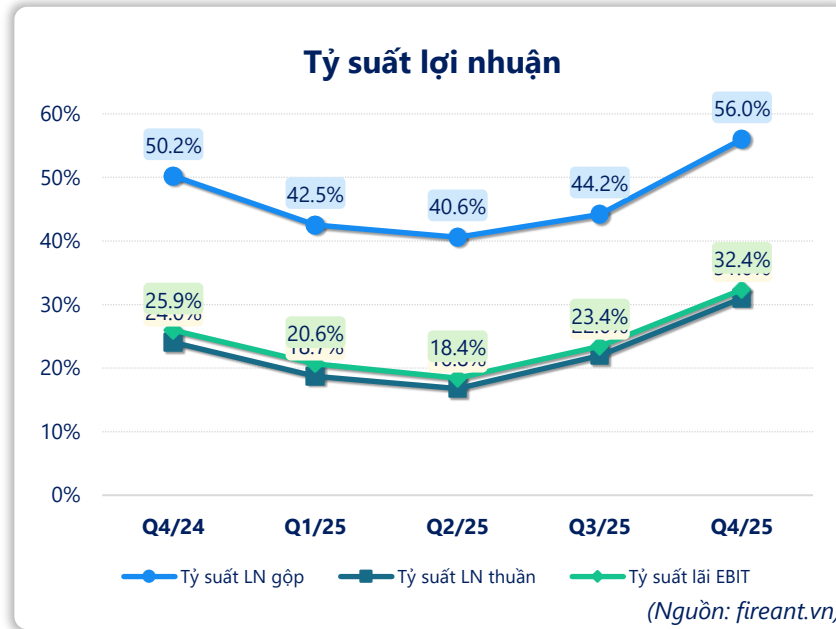
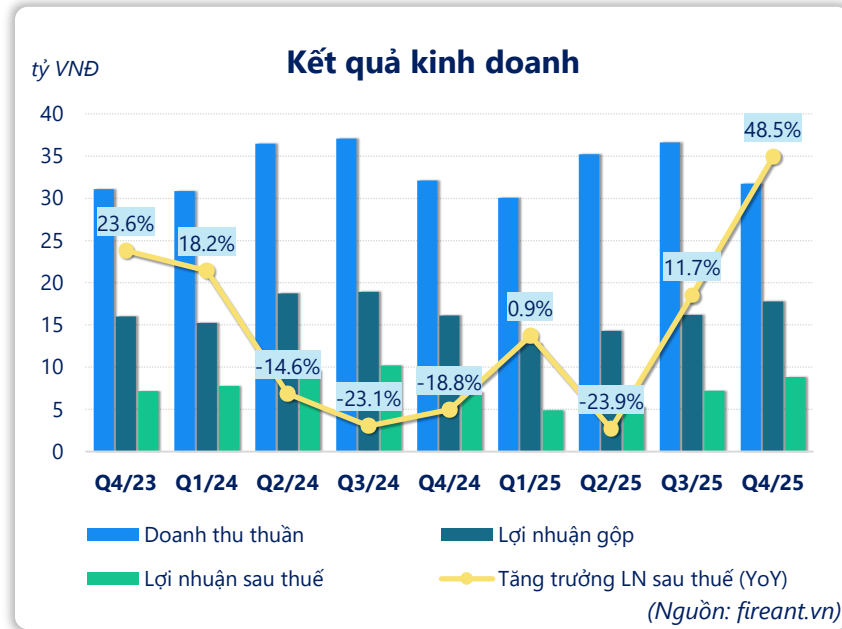


Thông tin giao dịch		31/12/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		12,000
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		16,000
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		9,879
SL cổ phiếu LH		38,363,579
KLGD BQ 20 phiên (CP)		440
% sở hữu nước ngoài		0.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		460
P/E		17.5
EPS		684

	YTD	1T	3T	6T
PWS	10.9%	-14.3%	-20.0%	0.4%
VNINDEX	40.5%	2.7%	5.9%	26.1%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	471	495	-4.8%
Tài sản ngắn hạn	102	128	-20.7%
Tiền và tương đương tiền	8.15	6.38	27.6%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	74.3	105	-28.9%
Phải thu ngắn hạn	11.2	10.0	11.9%
Hàng tồn kho	7.40	6.11	21.1%
Tài sản ngắn hạn khác	0.45	0.98	-53.6%
Tài sản dài hạn	370	367	0.7%
Phải thu dài hạn	0.83	1.65	-50.0%
Tài sản cố định	310	332	-6.6%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	37.5	6.22	503%
Đầu tư tài chính dài hạn	0	5.00	-100%
Tài sản dài hạn khác	21.3	22.5	-5.2%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	38.7	49.2	-21.4%
Nợ ngắn hạn	18.9	19.5	-3.1%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	9.92	9.92	0.0%
Phải trả người bán ngắn hạn	2.40	2.88	-16.5%
Nợ dài hạn	19.8	29.8	-33.3%
Vay và nợ thuê dài hạn	19.8	29.8	-33.3%
Nguồn vốn chủ sở hữu	433	446	-3.0%
Vốn chủ sở hữu	433	446	-3.0%
Vốn điều lệ	384	384	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Doanh thu thuần	32.1	30.1	35.2	36.6	31.7
Giá vốn hàng bán	16.0	17.3	20.9	20.4	14.0
Lợi nhuận gộp	16.1	12.8	14.3	16.2	17.8
Doanh thu HĐTC	1.42	1.41	1.42	1.27	1.07
Chi phí TC	0.66	0.60	0.58	0.53	0.51
Chi phí lãi vay	0.66	0.60	0.58	0.53	0.51
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	6.06	5.41	6.10	5.86	5.85
Chi phí QLDN	3.12	2.58	3.13	3.02	2.65
LN thuần từ HĐKD	7.72	5.62	5.91	8.04	9.84
Lợi nhuận khác	-0.04	0.00	0.00	0.00	-0.08
LN trước thuế	7.67	5.61	5.91	8.04	9.76
Lợi nhuận sau thuế	7.04	4.89	5.33	7.21	8.82
LNST của CĐ cty mẹ	7.04	4.89	5.33	7.21	8.82

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	9.22	13.5	14.0	16.2	12.0
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-2.43	-2.05	-12.9	10.6	-1.30
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-4.97	0	-4.96	-38.3	-4.98
Tiền đầu kỳ	4.56	6.38	17.8	13.9	2.40
Lưu chuyển tiền thuần	1.82	11.4	-3.88	-11.5	5.74
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	6.38	17.8	13.9	2.40	8.15

(Nguồn: fireant.vn)